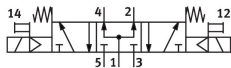


# **Van điện từ** **MEBH-5/3B-D-3-ZSR-C** Số bộ phận: 184513

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/3 thông gió                                                 |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                          |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 65 mm                                                         |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 4000 l/ph                                                     |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | Kích thước tấc kết nối 3 theo ISO 5599-1<br>G1/2              |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                                        |
| Áp suất vận hành                                           | 0.3 MPA...1 MPA<br>3 bar...10 bar                             |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                          |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                  |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65                                                          |
| Chiều rộng định mức                                        | 14.5 mm                                                       |
| Kích thước lưới                                            | 71 mm                                                         |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                              |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                           |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kỳ                                                        |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                       | ISO 5599-1                                                    |
| Nút ghi đè                                                 | quét                                                          |
| Mã ISO                                                     | 358                                                           |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                              |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                                         |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                           |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 130 ms                                                        |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 38 ms                                                         |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 24 V DC; 2,5 W                                                |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...50 °C                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...50 °C                                                |

| Đặc tính                       | Giá trị                                       |
|--------------------------------|-----------------------------------------------|
| trọng lượng sản phẩm           | 1120 g                                        |
| Cổng nối điện                  | M12x1<br>Phích cắm trung tâm<br>thiết kế tròn |
| Kiểu gắn                       | với lỗ xuyên                                  |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 82 | không được gom                                |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 84 | không được gom                                |
| Cổng nối khí nén 1             | Kích thước tấm kết nối 3 theo ISO 5599-1      |
| Cổng nối khí nén 2             | Kích thước tấm kết nối 3 theo ISO 5599-1      |
| Cổng nối khí nén 3             | Kích thước tấm kết nối 3 theo ISO 5599-1      |
| Cổng nối khí nén 4             | Kích thước tấm kết nối 3 theo ISO 5599-1      |
| Cổng nối khí nén 5             | Kích thước tấm kết nối 3 theo ISO 5599-1      |
| Vật liệu của phốt              | NBR                                           |
| Vật liệu vỏ                    | Nhôm đúc áp lực                               |